

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2020/DS-PT
Ngày: 12 và 19-8-2020
“V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất và yêu cầu bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trịnh Thị Phúc.

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 và ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2020 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện CD bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 267/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 51/2020/QĐ-PT ngày 09/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn L, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Ấp Nhà Dài, xã Tân Lâm, huyện CD, tỉnh Long An

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Đặng Văn L:
Luật sư Nguyễn Thị Cúc – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Cúc thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Đặng Thị Ng, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp Nhà Dài, xã Tân Lâm, huyện CD, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Ah, sinh năm 1945.

2. Bà Đặng Thị Thanh X, sinh năm 1974.

3. Ông Phan Minh H, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp Nhà Dài, xã Tân Lâm, huyện CD, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Ông Đặng Văn L, bà Đặng Thị Ng.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2018, ngày 02/8/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Văn L trình bày: Ông L với bà Đặng Thị Ng có quan hệ huyết thống là cha con ruột. Năm 2006, ông L tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Ng đối với thửa đất số 445, tờ bản đồ số 04, xã Tân Lâm, huyện CD, diện tích đất theo đo đạc thực tế là 396m², loại đất ONT. Vụ án đã được TAND hai cấp của tỉnh Long An xét xử, đã tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L và bà Ng được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 445 nêu trên. Ngày 10/12/2007, UBND huyện CD đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 274343 cho bà Ng đứng tên thửa đất số 445 nêu trên với diện tích 396m². Năm 2008, UBND huyện CD đã ban hành quyết định hành chính thu hồi một phần của thửa đất số 445 nêu trên của bà Ng diện tích 172m² để mở rộng đường Quốc lộ 50, thửa đất của bà Ng chỉ còn lại 224m² và đã bồi thường giá trị đất và tài sản có trên đất cho bà Ng.

Thửa đất số 445 của bà Ng giáp ranh với thửa đất số 450, loại đất ONT, tờ bản đồ số 4, xã Tân Lâm, huyện CD do UBND huyện CD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L đứng tên ngày 15/10/1996. Quá trình sử dụng đất của bà Ng từ năm 2007 cho đến nay đã tiếp tục lấn chiếm ra thửa đất số 450 của ông L cụ thể: Tại Mảnh trích đo địa chính số 06TL-2019 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện CD duyệt ngày 19/7/2019 (gọi tắt Mảnh trích đo ngày 19/7/2019), theo ông L chỉ ranh được đo đạc thể hiện là Khu C1 có diện tích 88,5m² thuộc một phần của thửa đất số 445 do bà Ng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi xác định lại diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ng, trừ đi diện tích đất bị thu hồi còn lại là 224m²; nhưng thực tế bà Ng sử dụng đất theo Mảnh trích đo ngày 19/7/2019 gồm Khu C1 và C2 có tổng diện tích là 284,5m², thì còn dôi dư ra diện tích 60,5m², nên ông L chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ng di dời tài sản có trên đất gồm: 01 phần nhà tạm dùng để nuôi gà, 02 cái hồ tròn chứa nước, 01 cây xoài, một phần hàng rào trụ bê tông rào lưới kẽm B40, để trả lại diện tích đất 60,5m² cho ông L.

Ngoài ra, theo Mảnh trích đo ngày 19/7/2019 thể hiện tại Khu B2 có diện tích 107,9m² thực tế là một cái ao đã bị lạng, trong đó, ông L có trồng 03 cây dừa đã trưởng thành và 01 cây me đang cho trái, đã bị bà Ng thuê người cưa ngã đổ; 01 chuồng nuôi heo và một phần mái nhà của vợ chồng bà X, ông H che ra. Quá trình sử dụng đất khu B2 của vợ chồng ông L, bà Ah cũng bị bà Ng tranh chấp, ngăn cản không cho sử dụng đất. Ông L yêu cầu Tòa án xác định phần đất tại

Khu B2 theo Mảnh trích đo thuộc quyền sử dụng của ông L. Đối với phần mái nhà của vợ chồng bà X, ông H che ra và một chuồng nuôi heo có trên đất, ông L không yêu cầu tháo dỡ để lại trả đất.

Đối với yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ng bồi thường 03 cây dừa và 01 cây me, tại phiên tòa ông L tự nguyện không yêu cầu xem xét bồi thường.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn Đặng Thị Ng trình bày: Bà thống nhất với phần trình bày như trên của ông L về tranh chấp trước đây đối với thửa đất số 445, hiện tại bà Ng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 445.

- Đối với vị trí đất ông L tranh chấp tại Khu C1 theo Mảnh trích đo ngày 19/7/2019 thì thuộc một phần của thửa đất 445 do bà đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có lần chiếm đất của ông L, nên không đồng ý di dời cây trồng, hồ chứa nước, hàng rào, nhà tạm có trên đất để trả đất cho ông L.

- Đối với diện tích đất 172m² mà UBND huyện đã ban hành quyết định hành chính thu hồi và bồi thường cho bà Ng năm 2008 để mở rộng đường Quốc lộ 50 là không nằm trong thửa đất số 445, nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ng không có bị điều chỉnh phía sau về phần thu hồi đất.

- Đối phần đất thuộc Khu B2 theo Mảnh trích đo ngày 19/7/2019, hiện tại là một cái ao đã bị lạng trên đó có một chuồng nuôi heo của vợ chồng bà X, ông H. Bà yêu cầu tháo dỡ, di dời để trả đất cho bà Ng. Bà Ng xác định diện tích đất tại Khu B2 là thuộc thửa đất số 445 của bà Ng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không đồng ý cho vợ chồng ông L, bà Ah tiếp tục sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ah trình bày: Thống nhất với phần trình bày yêu cầu khởi kiện và rút lại yêu cầu khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vợ chồng bà Đặng Thị Thanh X, ông Phan Thanh H trình bày thống nhất như sau: Vợ chồng bà X, ông H yêu cầu giữ nguyên phần tài sản có trên đất là phần mái che và chuồng nuôi heo có trong Khu B2 theo Mảnh trích đo ngày 19/7/2019, vì phần đất này đã được cha mẹ là ông L, bà Ah tặng cho nên mới xây dựng tài sản trên đó, mặc dù chưa được đứng tên đất theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 28/02/2020 Tòa án nhân dân huyện CD đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 217, 218, 219 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 12; Điều 166; khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L đối với bị đơn chị Đặng Thị Ng về việc “tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” và “tranh chấp quyền sử dụng đất”, tại Khu C1 theo Mảnh trích đo ngày 19/7/2019, thuộc một phần của thửa đất số 445, từ bản đồ

số 4, xã Tân Lâm, huyện CD, do Ủy ban nhân dân huyện CD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 274343, ngày 10/12/2007 cho chị Đặng Thị Ng đứng.

Chị Đặng Thị Ng được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất 60,5m² (thuộc một phần trong Khu C1, theo Mảnh trích đo ngày 19/7/2019), loại đất ONT, thuộc một phần của thửa đất số 445, tờ bản đồ số 4, xã Tân Lâm, huyện CD, do Ủy ban nhân dân huyện CD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 274343 ngày 10/12/2007 cho chị Đặng Thị Ng đứng tên.

[2]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L với bị đơn chị Đặng Thị Ng về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Vợ chồng ông Đặng Văn L, bà Nguyễn Thị Ah được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất 107,9m² (Khu B2 theo Mảnh trích đo ngày 19/7/2019), loại đất ONT, thuộc một phần của thửa đất số 450, tờ bản đồ số 4, xã Tân Lâm, huyện CD, do Ủy ban nhân dân huyện CD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 440060 ngày 15/10/1996 cho ông Đặng Văn L đứng tên.

Các khu đất trên theo Mảnh trích đo địa chính số 06TL-2019 do Công ty TNHH Đo đạc Nhà đất Hưng Phú lập và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện CD duyệt ngày 19/7/2019.

[4]. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đặng Văn L phải chịu 6.400.000 đồng và đã nộp xong. Buộc chị Đặng Thị Ng phải chịu 9.000.000 đồng nộp hoàn trả lại cho ông Đặng Văn L.

[5]. Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[6]. Về án phí:

[6.1]. Buộc chị Đặng Thị Ng phải nộp 58.936.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà Nước.

[6.2]. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Đặng Văn L là 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0000734 và 0000735 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CD.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09/3/2020, bà Đặng Thị Ng kháng cáo yêu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn L đối với khu B2, diện tích 107,9m² thuộc một phần thửa 450, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Tân Lâm, huyện CD, tỉnh Long An.

Ngày 11/3/2020, ông Đặng Văn L kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bà Đặng Thị Ng tháo dỡ một phần nhà tạm diện tích 60,5m² trả lại cho ông phần đất có diện tích 60,5m² tại khu C3 của Mảnh trích đo 07BS-2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 02/7/2020.

Ngày 26/3/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có

quyết định số 29/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 28/02/2020 Tòa án nhân dân huyện CD.

Phản tranh luận tại phiên toà phúc thẩm:

Luật sư Nguyễn Thị Cúc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Đặng Văn L trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ruột ông L sử dụng từ trước năm 1975, sau đó để lại cho ông L sử dụng; bà Đặng Thị Định về đây sinh sống từ năm 1990, kể đó ông L đem con gái tên Đặng Thị Ng về đây cho đất cất nhà ở từ năm 1993. Năm 1996, ông L đi đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận thì thiếu sót thửa đất số 445. Trong quá trình sử dụng đất, bà Ng không có khai khẩn gì thêm, đến năm 2006 TAND tỉnh Long An xét xử cho bà Ng được quyền sử dụng phần đất có diện tích $396m^2$, thuộc thửa 445, tờ bản đồ số 4 và bà Ng lại lần chiếm thêm phần đất thuộc khu C3 của Mảnh trích đo 07BS-2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 02/7/2020.

Sau đó, đất của bà Đặng Thị Ng bị thu hồi mở rộng lộ giới nên không còn đủ diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ còn $224m^2$; căn cứ theo Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 19/7/2019 phần đất tranh chấp tại khu C1 (hiện là C3), diện tích $60,5m^2$ thuộc quyền sử dụng của ông. Tại Công văn số 382 ngày 29/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CD đã xác định “do công tác in ấn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sơ đồ thửa đất in trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phù hợp với bản vẽ có trong hồ sơ và kết quả giải quyết của Tòa án”. Điều này cho thấy bản vẽ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ng có sự sai lệch nên không đúng với hiện trạng thực tế sử dụng đất của hai bên nên khu C3 chỉ có một phần trong thửa 445 là đủ diện tích $396m^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ng. Thửa đất 450 của ông được cấp năm 1996 có diện tích $1.059m^2$, khi cấp không đo đạc thực tế, trên bản đồ địa chính có sai sót nên phần dư diện tích vẫn thuộc quyền sử dụng của ông. Hơn nữa, phần đất tranh chấp tại khu C1 bà Ng không sử dụng từ trước đến nay. Đối với Công văn 114 ngày 14/01/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CD cung cấp thông tin “*Qua kiểm tra, tham chiếu lên nền bản đồ địa chính dựa trên vị trí, kích thước thửa đất số 445, tờ bản đồ số 4 thể hiện trên Mảnh trích đo ngày 19/7/2019 thì một phần diện tích thửa đất 445, tờ bản đồ số 4 bị mất khi thi công công trình mở rộng Quốc lộ 50 khoảng $112m^2$ (diện tích tính trên bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế)*” chỉ căn cứ diện tích trên bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế nên dùng chữ khoảng $112m^2$ là không chính xác và mâu thuẫn với hồ sơ thu hồi đất của bà Ng do Ban quản lý dự án giải phóng mặt bằng cung cấp tại Công văn số 501 ngày 20/12/2018 đã thể hiện thu hồi đất của bà Ng là $172m^2$. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của ông L và không chấp nhận kháng cáo của bà Ng.

- Ông Đặng Văn L không tranh luận.

- Bà Lê Thị Ah không tranh luận.

- Bà Đặng Thị Ng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận rằng, tại mục 2.2 của Bản án sơ thẩm nhận định “...*chị Ng được quyền sử dụng diện tích đất là $396m^2$ thuộc thửa 445, có vị trí tứ cận như sau: Đông giáp thửa số 450; Tây giáp*

Quốc lộ 50; Nam giáp thửa 450, 448; Bắc giáp thửa 451. Do đó, thửa đất số 445 của chị Ng sau khi đất bị thu hồi thì diện tích còn lại là $284,5m^2$ (gồm Khu C1 và C2). Còn Khu B2 thuộc một phần của thửa đất số 450 thuộc quyền sử dụng của ông L và ông L đã được UBND huyện CD cấp GCNQSDĐ từ năm 1996”. Đây là nhận định không khách quan, thiếu căn cứ, mang tính suy diễn. Bởi lẽ, theo hồ sơ vụ án dân sự đã được giải quyết tại Bản án phúc thẩm số 218/2007/DS-PT ngày 25/5/2007 của TAND tỉnh Long An đã tuyên giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 139/2006/DSST ngày 21/11/2006 của TAND huyện CD tại phần xét thấy có ghi nhận “...Theo công văn số 148 ngày 01/10/2006 của UBND xã Tân Lâm thì toàn bộ phần đất này trước là khu vực thổ bao, nên QSD đất không cấp cho ai. Đến khi Nhà nước tiến hành đo đạc tách thửa, ông L thửa 450 diện tích $1059m^2$; bà Định thửa 448 diện tích $139m^2$, chị Ng thửa 445 diện tích $322m^2$ ”. Như vậy, 03 thửa này riêng biệt với nhau có ranh giới giữa các thửa. Do đó, phần đất thuộc khu B2 là nằm trên thửa 445 chứ không phải thửa 450 của ông L theo Mảnh trích đo ngày 19/7/2019. Hơn nữa, phần đất thửa 445 trước đây phân nửa là nền còn phân nửa là hào, phần khu B23 là nằm ở vị trí cái hào mà bà đã san lấp trước đây. Tại phiên tòa các cấp trước đây, bà có thỏa thuận với bà X, ông H cất nhà trên một phần của bà thuộc một phần thửa 445. Do đó, khi đo đạc giải quyết tranh chấp thì không tính phần diện tích đất có nhà của bà X, ông H. Mặt khác, khi Tòa án các cấp giải quyết tranh chấp năm 2006, 2007 thì một phần diện tích đất của bà nằm trong quy hoạch lộ giới mở rộng Quốc lộ 50 (đã có quyết định năm 2003) nên khi đo đạc để giải quyết tranh chấp đã trừ đi phần diện tích nằm trong lộ giới là $112m^2$, diện tích đất nằm ngoài lộ giới còn lại là $396m^2$ để làm căn cứ xét xử. Cho nên, vào năm 2008 khi Nhà nước bồi thường cho bà phần diện tích $112m^2$ đã không có quyết định thu hồi một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà. Hiện nay, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà vẫn còn diện tích là $396m^2$. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng thửa 445 của bà sau khi bị thu hồi thì diện tích còn lại là $284,5m^2$ là không có cơ sở.

- Bà Đặng Thị Thanh X và ông Phan Minh H không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm số 218/2007/DS-PT ngày 25/5/2007 đã có hiệu lực pháp luật, bà Ng đã làm thủ tục để được UBND huyện CD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 445, diện tích $396m^2$.

Theo Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 thu hồi một phần thửa đất số 445, diện tích $172m^2$ đất để xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 50 nhưng tại Công văn số 114/CNVPĐKĐĐ-KTLTĐC ngày 14/01/2020 xác nhận một phần diện tích đất thửa 445, tờ bản đồ số 4 bị mất khi thi công công trình mở rộng Quốc lộ 50 khoảng $112m^2$. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định

diện tích còn lại của thửa đất số 445 là $396\text{m}^2 - 112\text{m}^2 = 284\text{m}^2$. Theo Mảnh trích đo ngày 19/7/2019 thì thửa đất số 445 của bà Ng hiện tại có diện tích 284.5m^2 (bao gồm Khu C1 và Khu C2) là phù hợp với diện tích, vị trí mà bà Ng quản lý, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án số 218/2007/DS-PT ngày 25/5/2007.

Xét thấy giữa Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 và Công văn số 114/CNVPĐKĐĐ-KTLTĐC ngày 14/01/2020 có sự mâu thuẫn về phần diện tích đất bị thu hồi, Tòa án cấp sơ thẩm không có văn bản yêu cầu hai cơ quan ban hành quyết định và văn bản nêu trên giải trình.

Tuy nhiên, xét thấy vị trí tranh chấp tại một phần khu C1 (theo mảnh trích đo địa chính số 06TL-2019 hệ tọa độ VN 2000 - Khu vực nông thôn - Tờ bản đồ số 04 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 19-7-2019, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CĐ duyệt cùng ngày), tại thời điểm xét xử phúc thẩm là khu C3 diện tích $60,5\text{m}^2$ (theo Mảnh trích đo địa chính số 07BS-2020 hệ tọa độ VN 2000 - Khu vực nông thôn - Tờ bản đồ số 04 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú phân khu ngày 02-7-2020) vẫn là thuộc thửa 445, mà thửa 445 đã được xem xét giải quyết bằng một bản án có hiệu lực pháp luật. Bản án phúc thẩm số 218/2007/DS-PT ngày 25/5/2007 đã có nhận định “...nguyên đơn luôn khẳng định thửa đất 445...thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn....bên nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ gì chứng minh thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của mình. Trong khi bà Định trình bày nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại cho bà – cũng là cha mẹ ông L. Chính ông Tư cha của nguyên đơn đã nói bà Định cho bà Ng ở. Lời bà Định phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Lâm là khi kê khai ông L chỉ kê khai đối với thửa 450 diện tích 1.059m^2 loại thổ, bà Định kê khai thửa 448. Do phần đất tranh chấp thuộc loại thổ bao nên chưa đo vẽ, trước đây khi cấp quyền sử dụng đất mẫu tạm cũng chưa tách cấp cho ai. Hiện nay trong sổ mục kê bà Ng đứng tên diện tích đất này là 322m^2 Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...cấp cho ông Đặng Văn L thì xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Lâm là chính xác...”. Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì những nhận định vừa nêu trên là những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nên được xem là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông L đối với bà Ng về việc di dời cây trồng, hàng rào và nhà tạm trên đất bị lấn chiếm tại phân khu C3 thuộc thửa 445 là không có căn cứ để chấp nhận vì phần đất này đã được giải quyết tại Bản án phúc thẩm số 218/2007/DS-PT ngày 25/5/2007, hiện trạng thửa đất đến nay không thay đổi. Nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh rằng có một phần đất trong thửa 445 (khu C3) trước đây ông chưa khởi kiện.

Đối với diện tích đất tranh chấp có vị trí tại Khu B2 theo Mảnh trích đo ngày 19/7/2019: Xét thấy, phần đất này thuộc thửa đất số 450 do ông L quản lý, sử dụng ổn định từ trước đến nay, ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này từ năm 1996 không có tranh chấp. Năm 2006, khi Tòa án giải quyết tranh chấp giữa ông L với bà Ng và bà Ng không có ý kiến về phần đất

tại Khu B2 do ông L đứng tên, quản lý đất. Do đó, phần đất tại Khu B2 nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L.

Xét Quyết định kháng nghị số 33/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/3/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Bản án sơ thẩm nhận định diện tích đất 60,5m² tại Khu C1 mà nguyên đơn tranh chấp với bị đơn thuộc một phần thửa đất số 445 do bị đơn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã được giải quyết bằng một bản án có hiệu lực pháp luật, nên Tòa án không tiếp tục giải quyết lại. Do đó, căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất 60,5m², thuộc một phần của Khu C1 theo Mảnh trích đo ngày 19/7/2019 của nguyên đơn ông L đối với bị đơn bà Ng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trong phần quyết định lại tuyên “*Bà Đặng Thị Ng được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất 60,5m² (thuộc một phần trong Khu C1, theo Mảnh trích đo ngày 19/7/2019), loại đất ONT, thuộc một phần của thửa đất số 445, tờ bản đồ số 4, xã Tân Lâm, huyện CD, do Ủy ban nhân dân huyện CD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 274343 ngày 10/12/2007 cho bà Đặng Thị Ng đứng tên*” là không phù hợp, mâu thuẫn với nội dung đã tuyên đình chỉ. Do không thuộc trường hợp được sửa chữa, bổ sung bản án theo quy định tại Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Vì vậy, cần kháng nghị để sửa lại phần tuyên án nhằm đảm bảo tính chặt chẽ, đúng pháp luật và nghiêm minh của bản án.

Từ nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà Ng, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Đặng Văn L, bà Đặng Thị Ng kháng cáo hợp lệ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị trong hạn luật định và hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Mảnh trích đo địa chính số 07BS-2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 01/7/2020 trên cơ sở Mảnh trích đo địa chính số 06TL-2019 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 19/7/2019 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CD duyệt ngày 19/7/2019 (gọi tắt là Mảnh trích đo địa chính số 06TL-2019) thấy rằng các bên tranh chấp phần đất tại khu C3, diện tích 60,5m² thuộc một phần thửa 445, tờ bản đồ số 04 và khu B2, diện tích 107,9m² thuộc một phần thửa 450, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Nhà Dài, xã Tân Lâm, huyện CD, tỉnh Long An.

[2.2] Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 218/2007/DS-PT ngày 25/5/2007 của TAND tỉnh Long An đã xét xử phúc thẩm vụ án đã xác định, bà Ng được quyền sử dụng diện tích đất là 396m² thuộc thửa 445, có vị trí tứ cận như sau: Đông giáp thửa số 450; Tây giáp Quốc lộ 50; Nam giáp thửa 450, 448; Bắc giáp thửa 451 là căn cứ vào Trích đo bản đồ địa chính ngày 28/8/2006 của Phòng Tài

nguyên và Môi trường huyện CD. Mặt khác, tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/9/2007, đơn đề nghị được ghi nợ tiền sử dụng đất ngày 14/4/2008 của bà Ng đều xác định thửa đất 445, tờ bản đồ số 4, có diện tích đất là 396m^2 , kể đến tại Tờ trình ngày 10/10/2008, Tờ trình số 330/TT.UB 2007 ngày 30/10/2007, Danh sách công khai ngày 22/9/2007 của UBND xã Tân Lâm, Tờ trình số 1458/TTr.TN&MT ngày 28/11/2008 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CD đều xác định thửa đất 445, tờ bản đồ số 4, có diện tích đất là 396m^2 . Sau đó, UBND huyện CD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 274343 cho bà Ng cùng với diện tích 396m^2 .

Tại Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND huyện CD đã thu hồi của bà Đặng Thị Ng diện tích đất 172m^2 , thuộc thửa 445, tờ bản đồ số 4, xã Tân Lâm, huyện CD, tỉnh Long An và tại Quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND huyện CD đã bồi thường cho bà Ng phần diện tích bị thu hồi nêu trên.

[2.3] Tại Công văn số 4704/UBND-TD ngày 20/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện CD khẳng định “*Phần diện tích đất của bà Đặng Thị Ng thuộc thửa đất số 445, tờ bản đồ số 4, xã Tân Lâm theo Quyết định 2229/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND huyện CD về việc thu hồi quyền sử dụng đất của bà Đặng Thị Ng, để xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 50 tại xã Tân Lâm, huyện CD là 172m^2 ; Ngày 10/12/2007, UBND huyện CD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 274343 cho bà Đặng Thị Ng trên cơ sở bản án số 218/2007/DS-PT ngày 25/5/2007 của TAND tỉnh Long An là trọn thửa số 445, tờ bản đồ số 4, xã Tân Lâm, huyện CD*”.

Như vậy, về mặt toán học phần diện tích đất còn lại của bà Ng được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 274343 là 224m^2 ($396\text{m}^2 - 172\text{m}^2$).

[2.4] Tuy nhiên, qua đối chiếu giữa Trích đo bản đồ địa chính ngày 28/8/2006 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CD và Mảnh trích đo địa chính số 06TL-2019 cũng như Mảnh trích đo địa chính số 07BS-2020 thấy rằng, cạnh phía tây của thửa 445 có kích thước cùng là 11,9m ($0,4\text{m} + 4,5\text{m} + 0,7\text{m} + 2,3\text{m} + 1,2\text{m} + 1,2\text{m} + 2,8\text{m}$), hai đầu của kích thước này là cố định (một đầu tiếp giáp với nhà bà Đặng Thị Định được xây dựng trước năm 2006, một đầu tiếp giáp với thửa 3378) nên không thể dịch chuyển ranh giới bản đồ địa chính.

[2.5] Mặt khác, cũng trên cơ sở đối chiếu giữa Trích đo bản đồ địa chính ngày 28/8/2006 và Mảnh trích đo địa chính số 06TL-2019 cũng như Mảnh trích đo địa chính số 07BS-2020 thấy rằng:

+ Cạnh phía nam của thửa 445 có kích thước trước khi thu hồi là 32,2m ($13,2\text{m} + 11,2\text{m} + 7,8\text{m}$), sau khi thu hồi còn lại 22,8m ($19\text{m} + 3,8\text{m}$), tức đã thu hồi chiều dài 9,4m.

+ Cạnh phía bắc của thửa 445 có kích thước trước khi thu hồi là 30m, sau khi thu hồi còn lại 21,9m ($3,8\text{m} + 10,4\text{m} + 5,5\text{m} + 2,2\text{m}$), tức đã thu hồi chiều dài 8,1m.

Như vậy, trung bình hai cạnh chiều dài của phần đất bị thu hồi thuộc thửa 445 là $8,75\text{m} [(9,4\text{m} + 8,1\text{m})/2]$.

+ Cạnh phía đông của phần đất bị thu hồi thuộc thửa 445 tiếp giáp với Quốc lộ 50 dài $13,2\text{m}$ theo Mảnh trích đo địa chính số 07BS-2020 tức là cạnh phía đông của phần đất đã bị thu hồi.

+ Cạnh phía tây của phần đất bị thu hồi thuộc thửa 445 (nằm trong diện tích Quốc lộ 50) chính là cạnh phía tây của Trích đo bản đồ địa chính ngày 28/8/2006 có chiều ngang $12,8\text{m}$.

Như vậy, trung bình hai cạnh chiều ngang của phần đất bị thu hồi thuộc thửa 445 là $13\text{m} [(13,2\text{m} + 12,8\text{m})/2]$.

Từ đó thấy rằng, diện tích thửa 445 thuộc quyền sử dụng của bà Ng bị thu hồi là $8,75\text{m} \times 13\text{m} = 113,75\text{m}^2$. Như vậy, Công văn số 4712/CNVPĐKĐĐ-KTLTĐC ngày 23/12/2019 và Công văn số 114/CNVPĐKĐĐ-KTLTĐC ngày 14/01/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại huyện CD khẳng định “*Qua kiểm tra, tham chiếu lên nền bản đồ địa chính dựa trên vị trí, kích thước thửa đất số 445, tờ bản đồ số 4 thể hiện trên Mảnh trích đo ngày 19/7/2019 thì một phần diện tích thửa đất 445, tờ bản đồ số 4 bị mất khi thi công công trình mở rộng Quốc lộ 50 khoảng 112m^2 (diện tích tính trên bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế) là chính xác. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng phần đất tranh chấp đã được giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 218/2007/DS-PT ngày 25/5/2007 của TAND tỉnh Long An để đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L là đúng quy định của pháp luật hiện hành; kháng cáo của ông L là không có cơ sở chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.*

[2.6] Đối với phần đất tranh chấp tại khu B2 của Mảnh trích đo địa chính số 07BS-2020 thuộc một phần của thửa đất số 450, tờ bản đồ số 4 do ông Đặng Văn L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1996 và thời điểm năm 2006 các bên tranh chấp với nhau chỉ có thửa đất số 445. Như vậy, bà Ng cho rằng phần đất tại khu B2 thuộc thửa đất số 445 của bà Ng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh, đồng thời bà Ng không chứng minh được là người trực tiếp sử dụng đất trước khi ông L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thuộc quyền sử dụng của ông L là có căn cứ.

Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 22/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An được các bên thừa nhận “*trên đất không có nhà ...tuy nhiên có mái che ngang $1,2\text{m}$, dài $2,5\text{m}$; phần ô quăng và 02 lam cửa sổ từ nhà bà X, ông H đưa sang phần đất khu B2*” và tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện CD ghi nhận “*Trên phần đất tranh chấp ông Đặng Văn L có cất 01 căn nhà tole (vách tole, mái lợp tole) nối liền căn nhà tường cách nay khoảng 3 tháng, căn nhà tole có mái tole de ra bên ngoài diện tích ngang $1,5\text{m}$, dài $3,5\text{m}$ nằm trên thửa 450 của ông Đặng Văn L đứng tên quyền sử dụng đất (phần mái tole de ra nằm ở vị trí B2)...*”. Như vậy, trên khu B2 của Mảnh trích đo địa chính số 07BS-2020 có vật kiến trúc thuộc quyền sở hữu của bà X, ông H và tại Biên bản lấy lời khai này 04/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện CD bà Ng thể hiện “*tôi yêu cầu Tòa án xem xét lại việc bà X tự ý lấn*

chiếm phần đất này, nếu sau này Tòa án giải quyết phần đất này thuộc quyền sử dụng của tôi thì bà X phải tháo dỡ nhà trả đất cho tôi” và tại phiên tòa phúc thẩm bà Ng cũng có yêu cầu vợ chồng bà X, ông H tháo dỡ vật kiến trúc tồn tại trên khu B2 nêu trên để trả lại đất cho bà Ng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa cho bà Ng thực hiện thủ tục yêu cầu khởi kiện (phản tố) nên Tòa án cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét yêu cầu của bà Ng đối với vợ chồng bà X, ông H. Xét thấy yêu cầu của bà Ng là không có cơ sở chấp nhận; vi phạm này của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên không cần thiết phải hủy án để giải quyết lại ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự.

[2.7] Trong phần quyết định lại tuyên “*Bà Đặng Thị Ng được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất 60,5m² (thuộc một phần trong Khu C1, theo Mạnh trích đo ngày 19/7/2019), loại đất ONT, thuộc một phần của thửa đất số 445, tờ bản đồ số 4, xã Tân Lâm, huyện CD, do Ủy ban nhân dân huyện CD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 274343 ngày 10/12/2007 cho bà Đặng Thị Ng đứng tên*” là không cần thiết vì phần này đã được giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 218/2007/DS-PT và mâu thuẫn với nội dung đã tuyên đình chỉ. Do đó, cần sửa lại phần tuyên án nhằm đảm bảo tính chặt chẽ, đúng pháp luật như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Từ đó thấy rằng kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên án sơ thẩm về nội dung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An để sửa lại cách tuyên án.

[3] Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Ông Đặng Văn L phải chịu do có yêu cầu nhưng không có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án.

[4] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Ng và ông Đặng Văn L.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Giữa nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 28/02/2020 Tòa án nhân dân huyện CD, tỉnh Long An và sửa lại nội dung tuyên án như sau:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 217, 218, 219 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 12, Điều 166, khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, 26, 27, 29 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L đối với bị đơn bà Đặng Thị Ng về việc “tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, tranh chấp quyền sử dụng đất”, tại khu C3 của Mảnh trích đo địa chính 07BS-2020 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập ngày 02/7/2020 trên cơ sở Mảnh trích đo ngày 19/7/2019, thuộc một phần của thửa đất số 445, tờ bản đồ số 4, xã Tân Lâm, huyện CD, do Ủy ban nhân dân huyện CD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 274343, ngày 10/12/2007 cho bà Đặng Thị Ng đứng.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L với bị đơn bà Đặng Thị Ng về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Ông Đặng Văn L và bà Nguyễn Thị Ah được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất 107,9m² tại vị trí khu B2 theo Mảnh trích đo địa chính số 06TL-2019 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CD duyệt ngày 19/7/2019, loại đất ONT, thuộc một phần của thửa đất số 450, tờ bản đồ số 4, xã Tân Lâm, huyện CD, do Ủy ban nhân dân huyện CD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 440060 ngày 15/10/1996 cho ông Đặng Văn L đứng tên.

[4] Về chi phí tố tụng:

[4.1] Tại cấp sơ thẩm: Buộc ông Đặng Văn L phải chịu 6.400.000 đồng (đã nộp xong). Buộc bà Đặng Thị Ng phải chịu 9.000.000 đồng nộp hoàn trả lại cho ông Đặng Văn L.

[4.2] Tại cấp phúc thẩm: Buộc ông Đặng Văn L phải chịu 4.100.000 đồng (đã nộp xong).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Về án phí sơ thẩm:

[5.1]. Buộc bà Đặng Thị Ng phải nộp 58.936.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà Nước.

[5.2]. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Đặng Văn L là 600.000 đồng theo các biên lai thu số 0000734 và 0000735 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CD, tỉnh Long An.

[6] Về án phí phúc thẩm:

- Buộc bà Đặng Thị Ng phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0008356 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CD, tỉnh Long An.

- Miễn án phí cho ông Đặng Văn L.

[7] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh